

LỢI NHUẬN TÀI CHÍNH TỪ ĐẶC QUYỀN PHÁT HÀNH GIẤY BẠC CỦA NGÂN HÀNG ĐÔNG DƯƠNG

DƯƠNG TÔ QUỐC THÁI*

TÓM TẮT

Bài viết phân tích về nguồn lợi nhuận tài chính từ đặc quyền phát hành giấy bạc của Ngân hàng Đông Dương. Với đặc quyền phát hành giấy bạc, Ngân hàng Đông Dương đã phát hành một lượng tiền giấy khổng lồ để đưa vào lưu thông kiểm lãi, đồng thời ngân hàng còn lợi dụng chức năng phát hành giấy bạc để chiếm toàn bộ số kim khí dự trữ vốn thuộc về nhân dân Đông Dương mang về cho Mẫu quốc. Nhờ vậy, Ngân hàng Đông Dương đã trở nên giàu có.

Từ khóa: Ngân hàng Đông Dương, sắc lệnh, vốn điều lệ, phát hành giấy bạc.

ABSTRACT

Regarding the financial profit from the note-issuing privilege of the Bank of Indochina

The article analyses the financial profit from the note-issuing privilege of the Bank of Indochina. With its note-issuing privilege, the Bank of Indochina issued an enormous amount of banknotes to put into circulation to gain interests. Besides, the bank also took advantage of its note-issuing function to obtain all the gold reserves, which used to be possessed by the Indochinese people, to bring back to the mother country. As a result, the Bank of Indochina became an extremely wealthy institution in the country.

Keywords: Bank of Indochina (Banque de l'Indochine), ordinance, charter capital, issuing banknotes.

1. Đặt vấn đề

Lịch sử ngành ngân hàng thuộc địa Pháp đến giữa thế kỉ XX cho thấy chưa có một ngân hàng nào kiếm được nhiều lợi nhuận như Ngân hàng Đông Dương. Chỉ trong một thời gian ngắn sau khi ra đời, Ngân hàng Đông Dương đã mang về số tiền lãi lên đến 550.000.000 francs (1944) [12, tr.164]. Với khoản tiền lời thu được đã giúp Ngân hàng Đông Dương nhanh chóng trở nên giàu có và biến Ngân hàng trở thành một trong những thế lực tài chính to lớn của tư bản Pháp ở vùng Viễn Đông. Sự phát triển nhanh chóng của Ngân hàng Đông Dương đã

thu hút sự chú ý của dư luận Pháp và nhân dân Đông Dương. Nhiều ý kiến được nêu ra xung quanh việc độc quyền phát hành giấy bạc của Ngân hàng Đông Dương nhằm hiểu rõ hơn về vấn đề này.

2. Nội dung

2.1. Sơ lược về hoàn cảnh ra đời và những đặc quyền của Ngân hàng Đông Dương

Ngân hàng Đông Dương ra đời vào ngày 21-01-1875 trong một hoàn cảnh hết sức “đặc biệt”. Đó là thời điểm nước Pháp đang gặp rất nhiều khó khăn, túng thiếu về tài chính (do phải bồi thường chiến phí cho Đức với số tiền khổng lồ

* ThS, Trường THPT Bàn Tân Định, tỉnh Kiên Giang; Email: duongtoquocthai@gmail.com

lên tới 5 tỉ francs [10, tr.16]) và sự yếu kém, lạc hậu của nền kinh tế - tài chính Nam Kỳ [10, tr.14]. Cũng vì ra đời trong hoàn cảnh đặc biệt đó, nên lúc thành lập, giới lãnh đạo Ngân hàng Đông Dương chỉ dự định mở hai chi nhánh ở thuộc địa Sài Gòn và Pondichéry (Ấn Độ thuộc Pháp) nhằm cung cấp tín dụng và hỗ trợ cho các hoạt động thương mại tại đây là chính.

Sau một thời gian kiên trì hoạt động, cộng với việc chớp lấy thời cơ tài trợ tiền cho Mâu quốc Pháp mang quân sang xâm lược Bắc Kỳ lần thứ 2 (1882-1883) và toàn Đông Dương [4, tr.69], Ngân hàng Đông Dương đã được Chính phủ Pháp “ru ái” ban cho nhiều đặc quyền và bắt đầu “ăn nên làm ra”. Những đặc quyền đó bao gồm:

- Phát hành giấy bạc (tại quốc gia ngân hàng có chi nhánh cơ sở);

- Chiết khấu các thương phiếu nhận nợ (billéts à ordre) có trên hai chữ kí bảo lãnh, kì hạn không quá 120 ngày, khách hàng có nợ được ứng trước trên tài khoản một mức tín dụng nhất định trong một khoảng thời gian không quá 6 tháng;

- Phát hành mua bán và chiết khấu các thương phiếu đòi nợ, các ngân phiếu, hoặc séc. Kì hạn nợ nếu có quy định thì không quá 120 ngày, nếu không quy định trước thì chỉ có giá trị 90 ngày đối với trong nước và 180 ngày đối với ngoài nước;

- Chiết khấu các trái khoán (obligations) được bảo đảm:

- + Các chứng chỉ nhập kho;
- + Số hoa lợi sắp đến mùa gặt;
- + Các giấy vận đơn có kèm theo hồ

sơ bảo hiểm;

- + Các giá trị thế chấp hợp lệ mà ngân hàng nước Pháp có thể chấp nhận chiết khấu; hoặc được Chính phủ địa phương bảo đảm;

- + Kí thác các kim khí quý như: vàng, bạc, đồng... dưới hình thức thoi hoặc đúc thành tiền và các đá quý;

- + Bằng các cầm cố trong ngành hàng hải.

- Mua và bán các đồ vật bằng vàng, bạc hoặc đồng;

- Cầm cố các kim khí quý như: vàng, bạc, đồng, đá quý... (có ứng trước tín dụng);

- Nhận mua các loại: tiền, phiếu cứ và đồ kim khí vàng, bạc hoặc đồng của các khách hàng gửi tại ngân hàng, có trả lãi suất hay không trả lãi suất.

Ngoài các đặc quyền trên, Ngân hàng Đông Dương còn có thêm các đặc quyền khác, như:

- Nhận thu chi hộ những phiếu cứ cho khách hàng tư nhân và cơ quan công cộng (được tiến hành tại Paris, các chi nhánh và đại lí của Ngân hàng Đông Dương).

- Nếu được ủy nhiệm của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa hoặc của các viên Toàn quyền, thì được thu tiền phát hành công trái tại thuộc địa hoặc tại chính quốc;

- Phát hành các thương phiếu nhận nợ, các thương phiếu đòi nợ hoặc các ngân phiếu;

- Cấp các tín dụng thư có bảo đảm;

- Làm trung gian để nhờ chiết khấu tại Pháp và hải ngoại các thương phiếu đòi nợ hợp lệ, có kèm theo hồ sơ bảo hiểm;

- Làm trung gian mua bán tại Pháp hoặc ở hải ngoại những đồ kim khí hoặc tiền bằng vàng, bạc và đồng;

- Tham gia phát hành công trái của Nhà nước ở địa phương mà ngân hàng có đặt cơ sở;

- Tham gia thành lập các công ti đầu tư tài chính, kinh doanh kĩ nghệ hoặc thương mại ở nước mà ngân hàng có chi nhánh;

- Có quyền thương lượng hộ hoặc đại diện cho khách hàng;

- Quyền cho vay cầm cố hoa lợi trên đồng và đứng ra tổ chức bán phát mãi công khai những vật thế chấp để thu hồi đầy đủ số vốn, tiền lãi và những thủ tục phí [12, tr.111-112-113].

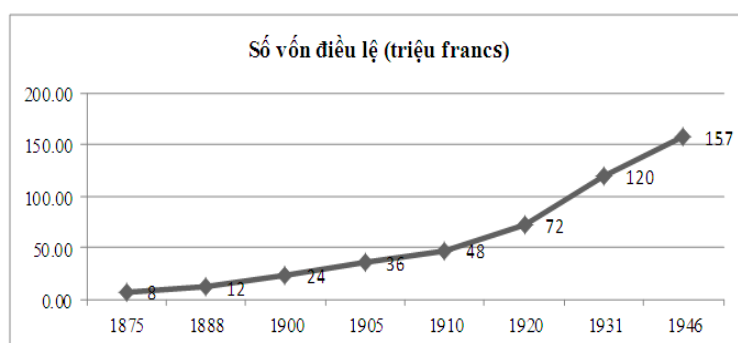
Nhờ những đặc quyền trên, Ngân hàng Đông Dương đã liên tục thu nhiều lợi nhuận. Vốn điều lệ không ngừng gia tăng nhằm kịp thời đáp ứng quy mô kinh doanh ngày càng mở rộng. Theo tập niên biểu “*Répertoire des principales valeurs*

Indochinoises”: Khi mới thành lập năm 1875, vốn điều lệ của Ngân hàng Đông Dương chỉ có 8.000.000 francs (Sắc lệnh thành lập Ngân hàng ngày 21-01-1875), đến năm 1888 vốn điều lệ đã tăng lên 12.000.000 francs, và đến năm 1900 vốn điều lệ đã là 24.000.000 francs [12, tr.84-85]. Chỉ trong vòng 25 năm, vốn điều lệ của Ngân hàng Đông Dương đã tăng thêm 16.000.000 francs, gấp 2 lần vốn điều lệ ban đầu. Một sự tăng trưởng nhanh chóng mà bất cứ ngân hàng nào cũng mơ ước!

Những năm tiếp theo vốn điều lệ của Ngân hàng Đông Dương cũng không ngừng tăng thêm (xem biểu đồ 1):

- Năm 1905: 36.000.000 francs;
- Năm 1910: 48.000.000 francs;
- Năm 1920: 72.000.000 francs;
- Năm 1931: 120.000.000 francs;
- Năm 1940: 150.000.000 francs;
- Năm 1946: 157.000.000 francs. [12, tr.84-85]

Biểu đồ 1. Sự gia tăng liên tục vốn điều lệ của Ngân hàng Đông Dương từ 1875 đến 1946



Nguồn: [7, tr.38]

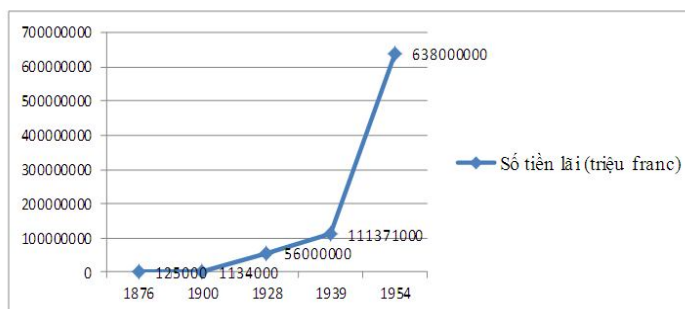
Trước sự phát triển nhanh chóng đó, giới lãnh đạo Ngân hàng Đông Dương đã nghĩ ngay đến việc mở rộng phạm vi hoạt động của Ngân hàng. Một mạng lưới các “chân rết” được xây dựng khắp Đông Dương và ở nhiều nơi trên thế giới. Theo nhiều tài liệu, ngoài hai chi nhánh được thành lập ở Sài Gòn (19-4-1875) và Pondichéry (1876), Ngân hàng Đông Dương còn có thêm nhiều chi nhánh khác, như: Hải Phòng (1885), Hà Nội (1886); Nouméa (1888), Phnôm Pênh (1890), Đà Nẵng (1891), Hồng Kông (1894), Thượng Hải (1898), Quảng Đông (1902), Hán Khẩu (1902), Singapore (1905), Papeete Nam Mĩ (1905), Bắc Kinh (1907), Thiên Tân (1907), Vân Nam (1920), Nam Định (1926), Cần Thơ (1926), Vinh (1927), Quy Nhơn (1928), Huế (1929), London (1940), Tokyo (1942), Đà Lạt (1943), Marseille, Bordeaux, Djibouti, Bangkok, Battambang, Quảng Châu, Mông Tự, Quảng Châu Loan, San Francisco, 2 chi nhánh ở Ethiopie, Djeddah (Ả Rập Saudi - Arabie Saoudite) [9, tr.115-116].

Từ hệ thống các chân rết khắp nơi trên thế giới đã giúp cho việc kinh doanh của Ngân hàng Đông Dương không ngừng phát đạt. Trong khoảng thời gian 1876 - 1954, Ngân hàng đã thu về số tiền lãi kết sù từ các nghiệp vụ tín dụng, hối đoái, cho vay, chiết khấu và đầu tư tài chính từ các chi nhánh. Nhờ vậy đã củng cố vững chắc địa vị của Ngân hàng tại Đông Dương, đồng thời còn giúp Ngân hàng trở nên giàu sù, biến Ngân hàng Đông Dương trở thành một trong những thế lực tài chính to lớn của tư bản Pháp ở vùng Viễn Đông.

Theo báo cáo thống kê tài chính của Ngân hàng Đông Dương gửi Chính phủ Pháp, trong khoảng thời gian 1876 - 1954, lợi nhuận mà Ngân hàng Đông Dương thu được như sau (xem biểu đồ 2):

- Năm 1876: 125.000 francs;
- Năm 1900: 1.134.000 francs;
- Năm 1928: 56.000.000 francs;
- Năm 1939: 111.371.000 francs;
- Năm 1954: 638.000.000 francs. [8, tr.7]

Biểu đồ 2. Sự gia tăng tiền lãi của Ngân hàng Đông Dương từ 1876 đến 1954



Nguồn: [7, tr.39]

Với mạng lưới chi nhánh ở nhiều nơi trên thế giới và số tiền lãi khổng lồ hàng năm thu được, Ngân hàng Đông Dương đã thu hút sự quan tâm của dư luận Pháp và nhân dân Đông Dương. Nhiều ý kiến đã được đưa ra để giải thích cho sự lớn mạnh và giàu có nhanh chóng của Ngân hàng Đông Dương. Trong đó nổi bật hơn hết là đặc quyền phát hành giấy bạc mà Chính phủ Pháp gia hạn cho Ngân hàng Đông Dương nhiều lần.

2.2. Đặc quyền phát hành giấy bạc - một nguồn lợi nhuận khổng lồ

Theo Điều 2 và Điều 3 Sắc lệnh thành lập Ngân hàng Đông Dương ngày 21-01-1875 của Tổng thống Pháp quy định: “*Ngân hàng Đông Dương là một ngân hàng phát hành*” và “*đặc quyền này được áp dụng trong một thời gian là 20 năm*” [12, tr.113]. Hai điều khoản trên đã quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của Ngân hàng Đông Dương là phát hành giấy bạc (tiền giấy) cho xứ Đông Dương, các thuộc địa Pháp ở Thái Bình Dương và các tỉnh Ấn Độ thuộc Pháp [2, tr.198]. Nhờ có đặc quyền này nên Ngân hàng Đông Dương đã không ngừng phát triển, mạng lưới các chi nhánh của Ngân hàng ngày càng mở rộng và vốn điều lệ cũng không ngừng gia tăng. Nhờ đó, Ngân hàng đã được Chính phủ Pháp ưu ái cho gia hạn thêm nhiều lần phát hành giấy bạc vào các năm 1888, 1900, 1920 và 1931. [12, tr.114]

Cũng theo Điều lệ thành lập ngân hàng, để được hưởng đặc quyền phát hành giấy bạc, Ngân hàng Đông Dương phải có một khoản kim khí dự trữ. Số kim khí này thông thường là vàng, bạc hay các loại ngoại tệ có giá trị chuyển đổi ra vàng. Căn cứ vào số kim khí dự trữ đó, Ngân hàng Đông Dương sẽ phát hành giấy bạc và đưa vào lưu thông. Toàn bộ số giấy bạc phát hành phải phù hợp với số lượng kim khí dự trữ. Những tổ chức, cá nhân hay cơ quan công quyền... đang sinh sống và làm việc tại Đông Dương nắm giữ số giấy bạc do Ngân hàng Đông Dương phát hành đều có quyền đến các chi nhánh của Ngân hàng Đông Dương để yêu cầu đổi ra vàng, bạc hay các loại ngoại tệ có giá trị khác.

Nguyên tắc là vậy, nhưng thực tế, Ngân hàng Đông Dương đã không làm theo quy định đó. Trong suốt thời gian tồn tại, Ngân hàng đã lợi dụng chức năng và quyền hạn để phát hành một lượng giấy bạc khổng lồ mà không dựa vào bất cứ khoản kim khí dự trữ nào. Kì lạ hơn là Chính phủ Pháp và Chính phủ Liên bang Đông Dương lại làm ngơ cho những hành động trái pháp luật của Ngân hàng Đông Dương. Theo nghiên cứu và thống kê của một số nhà sử học Pháp, số lượng tiền giấy do Ngân hàng Đông Dương phát hành và đưa vào lưu thông từ 1913 đến 1920 như sau (xem bảng 1):

Bảng 1. Số lượng tiền giấy phát hành và tồn quỹ kim khí đảm bảo dùng trong lưu thông tiền tệ tại Đông Dương từ 1913 đến 1920

Năm	Tồn quỹ kim khí và ngoại tệ đảm bảo	Khối lượng tiền tệ trong lưu thông	Tỉ lệ tiền trong lưu thông so với tồn quỹ đảm bảo
Cuối 1913	17.100.000\$	32.200.000\$	1,9 lần
30-6-1918	13.200.000\$	42.500.000\$	3,2 lần
31-12-1918	8.200.000\$	39.600.000\$	4,8 lần
30-6-1919	6.500.000\$	49.200.000\$	7,5 lần
31-12-1919	5.900.000\$	50.100.000\$	8,5 lần
27-3-1920	5.622.912\$	69.800.000\$	11,1 lần
01-4-1920	5.600.000\$	71.000.000\$	12,6 lần

Nguồn: [12, tr.124]

Đặc biệt, trong thời kì khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933), Ngân hàng Đông Dương phát tài lớn khi được Chính phủ Pháp cho miễn “việc chuyển đổi tiền giấy ra vàng”. Theo đó, Chính phủ Pháp quy định những ai muốn đổi tiền giấy ra vàng phải có một số tiền là 80.000\$ đồng Đông Dương [5, tr.324]. Thực tế cho thấy từ 1930 đến 1945, không một cá nhân hay tổ chức nào ở Đông Dương có đủ số tiền trên để đến các chi nhánh của ngân hàng đổi lấy vàng.

Như vậy, với quy định “ăn cướp”

trên, Chính phủ Pháp đã tiếp tay cho Ngân hàng Đông Dương “nuốt” trọn số kim khí dự trữ tồn đọng mà không phải tốn một xu nào. Số kim khí dự trữ đó chính là tài sản mà nhân dân Đông Dương đã tốn nhiều công sức để tích góp. Giờ đây, nó đã trở thành sở hữu của Ngân hàng Đông Dương. Bảng ghi chép sau đây của các nhà Sử học Pháp cho thấy số kim khí dự trữ đã bị Ngân hàng Đông Dương “nuốt trọn” trong khoảng thời gian từ 1928 đến 1936 (xem bảng 2):

Bảng 2. Số lượng tiền giấy lưu hành và trữ kim dự trữ từ 1928 đến 1936

Năm	Số tiền giấy lưu hành	Trữ kim dự trữ (triệu \$)
1928	141.900.000\$	48.100
1929	146.200.000\$	45.000
1930	221.500.000\$	47,0 ÷ 12,0 [†]
1931	102.100.000\$	27,8 ÷ 12,0
1932	92.900.000\$	26,3 ÷ 12,0
1933	90.400.000\$	33,0 ÷ 12,0
1934	95.200.000\$	38,0 ÷ 12,0
1935	88.300.000\$	54,0 ÷ 12,0
1936	113.400.000\$	80,0

Nguồn: [12, tr.129]

Đến tháng 10-1936, Ngân hàng Đông Dương lại đại phát thêm lần nữa khi Chính phủ Pháp ban hành Sắc lệnh ấn định “*tỉ giá đồng bạc Đông Dương gắn liền với đồng franc Pháp*” [5, tr.324]. Điều đó có nghĩa là đồng bạc Đông Dương chỉ được đổi ra đồng franc Pháp chứ không được chuyển đổi ra vàng. Với Sắc lệnh mới ban, Ngân hàng Đông Dương đã ngay lập tức phá vỡ nguyên tắc về dự trữ kim khí trong phát hành giấy bạc mà Chính phủ Pháp quy định. Từ đó tha hồ phát hành thêm các giấy bạc mới

và đưa vào lưu thông mà không bị bất kỳ cơ quan nào ràng buộc, ngăn cấm. Thậm chí ngược lại, Chính phủ Liên bang Đông Dương còn kí kết với Ngân hàng Đông Dương một thỏa ước; theo đó, Chính phủ Liên bang Đông Dương yêu cầu Ngân hàng Đông Dương trở thành cơ quan phát hành tiền cho xứ Đông Dương nhằm giúp Chính phủ có ngân sách để đài thọ các khoản chi tiêu công [12, tr.159]. Bảng thống kê sau đây của các nhà sử học Pháp cho thấy rõ điều đó (xem bảng 3):

Bảng 3. Số lượng tiền giấy lưu hành trên lãnh thổ Đông Dương (1876-1945)

Năm	Số tiền của Ngân hàng Đông Dương trong lưu thông
01-1876	120.000 \$
1885	1.403.000 \$
1895	7.947.100 \$
1900	10.677.500 \$
1911	25.877.519 \$
1918	39.600.000 \$
1920	75.300.000 \$
1931	102.100.000 \$
1940	280.400.000 \$
8-1945	2.333.800.000 \$

Nguồn: [12, tr.129]

Nhờ sự “đãi ngộ” đó, Ngân hàng Đông Dương đã phát hành một lượng giấy bạc khổng lồ dành cho xứ Đông Dương. Lượng giấy bạc được phát hành quá mức đã mang đến kết quả “tốt đẹp” cho nhân dân bản xứ. Giấy bạc bị lạm phát nghiêm trọng so với các loại ngoại tệ khác, vật giá không ngừng leo thang, đời sống của nhân dân bản xứ bị bần cùng và nghèo nàn hơn. Các bảng số liệu sau đây đã thể hiện rõ điều đó (xem bảng 4, 5, 6, 7, 8, 9):

Bảng 4. Tỷ giá hối đoái của đồng bạc Đông Dương (kí hiệu: \$) so với các ngoại tệ khác tại Sài Gòn (1939-1953)

Năm	100 franc	1 US\$	1 HK\$	1 L (bảng Anh)
1939	10\$	4\$01	1\$10	17\$75
1940	10\$	4\$41	1\$08	17\$74
1941	10\$	4\$40	1\$10	17\$74
1942	10\$	-	-	-
1943	10\$	-	-	-
1944	10\$	-	-	-
1945	9\$95	7\$01	-	28\$25
1946	5\$88	7\$04	1\$78	28\$36
1947	5\$88	7\$05	1\$78	28\$5
1948	5\$88	13\$43	3\$37	54\$03
1949	5\$88	20\$59	3\$65	58\$
1950	5\$88	20\$58	-	58\$
1951	5\$88	20\$59	-	58\$
1952	5\$88	20\$59	-	58\$75
1953	10\$	34\$99	6\$20	99\$23

Nguồn: Tổng hợp từ [2, tr.184] và [11, tr.67]

Bảng 5. Chỉ số bán lẻ các thực phẩm cơ bản tại hai thành phố Sài Gòn và Hà Nội (1940-1945)

Năm	Người Việt Nam lao động tại Sài Gòn	Người Việt Nam lao động tại Hà Nội
Lấy chỉ số 100 làm căn bản cho thời điểm năm 1939 để xem chỉ số bán lẻ		
1940	122	132
1941	124	189
1942	141	244
1943	187	418
1944	280	977
1945	372	3106

Nguồn: [9, tr.89]

Bảng 6. Chỉ số bán sỉ các sản phẩm của Đông Dương (giá: 100 kg)

	Lúa	Gạo số I	Ngô	Dừa
1939	5\$56	9\$27	7\$78	13\$
1940	7\$56	13\$20	6\$40	12\$51
1941	6\$56	10\$46	7\$43	21\$40

Bảng 7. Chỉ số giá bán sỉ tại thành phố Sài Gòn (1925-1941)

Năm	Giá bán sỉ
1925	100
1939	123
1940	158
1941	214

Nguồn: [9, tr.90]

Bảng 8. Chỉ số giá sinh hoạt của người Việt Nam tại hai thành phố Sài Gòn và Hà Nội (1940-1945)

Tháng, năm	Người Việt Nam lao động tại Sài Gòn	Người Việt Nam lao động tại Hà Nội
Lấy chỉ số 100 làm căn bản cho thời điểm năm 1939		
12-1940	121	128
12-1941	138	192
12-1942	186	266
12-1943	239	449
12-1944	399	908
6-1945	495	3012

Nguồn: [9, tr.88]

Đổi lập lại sự khó khăn, thiếu thốn và nghèo nàn của nhân dân bản xứ là sự ăn nên làm ra của Ngân hàng Đông Dương. Dựa vào các sắc lệnh trên, Ngân hàng đã liên tục làm ăn có lãi và khánh thành thêm nhiều chi nhánh mới ở hải ngoại. Theo sổ sách ghi chép của Ngân hàng Đông Dương: “năm 1931 ngân hàng lãi 15%/vốn. Đến năm 1946, số lãi tăng thêm 5% tức là gấp 20 lần số vốn điều lệ năm 1875. Ở các nước tư bản chủ nghĩa nếu mỗi năm ngân hàng làm ăn có lãi từ 10% đến 15%/vốn đã là rất cao. Còn Ngân hàng Đông Dương thì tiền lãi

mỗi năm lên tới trên 50%/vốn thì được gọi là lãi gì?”[12; tr.164]. Riêng các cổ đông của Ngân hàng Đông Dương được chia lãi hàng năm lên tới 93%/vốn cổ phần (Theo tài liệu *Répertoire des principales valeurs Indochinoise* thì chế độ phân phối tiền lãi của Ngân hàng Đông Dương cho các cổ đông như sau: 8% tiền lãi chia cho các cổ phần; 85% tiền số còn lại chia thêm cho các cổ phần)[12; tr.88]. Bảng ghi chép sau đây cho thấy rõ số lãi thu được hàng năm của Ngân hàng Đông Dương.

Bảng 9. Số tiền lãi của Ngân hàng Đông Dương từ 1876 đến 1939

Năm	Số tiền lãi thu được	Ghi chú
1876	125.000 francs	
1900	1.134.000 francs	
1911	7.100.000 francs	
1919	14.000.000 francs	- Ngoài ra, “quỹ bảo đảm” theo điều lệ do Ngân hàng Đông Dương trích lại bỏ vào năm 1919 là 2.400.000 francs, đến năm 1933 là 12.334.000 francs
1924	32.000.000 francs	
1927	53.000.000 francs	
1928	56.000.000 francs	- “Quỹ dự trữ” của Ngân hàng Đông Dương theo quy định năm 1919 là 23.000.000 francs, đến năm 1933 tăng lên 113.847.395 francs
1932	39.311.126 francs	
1933	36.888.499 francs	
1936	48.082.000 francs	- Theo sổ sách, từ 1934 đến 1944, số lãi Ngân hàng Đông Dương thu về là 550 triệu francs
1937	61.025.000 francs	
1938	69.529.000 francs	
1939	111.371.000 francs	

Nguồn: [12, tr.164].

Như vậy, nhờ có đặc quyền phát hành giấy bạc, Ngân hàng Đông Dương đã thu về một nguồn lợi nhuận khổng lồ. Với lợi nhuận kiếm được, Ngân hàng đã không ngừng đầu tư, mở rộng các chi nhánh, từng bước củng cố địa vị kinh doanh số một của mình tại Đông Dương. Nhờ đó, Ngân hàng Đông Dương giàu có nhanh chóng và trở thành một đế chế tài chính của tư bản Pháp ở vùng Viễn Đông.

3. Kết luận

Ngân hàng Đông Dương ra đời theo Sắc lệnh ngày 21-01-1875 của Tổng thống Pháp trong một hoàn cảnh hết sức đặc biệt. Chính vì ra đời trong hoàn cảnh đó nên Ngân hàng Đông Dương đã được Mẫu quốc Pháp đãi ngộ nhiều “đặc quyền” hơn so với các ngân hàng khác. Nhờ có những đãi ngộ này nên chỉ trong

thời gian ngắn Ngân hàng Đông Dương đã thu về một nguồn lợi nhuận khổng lồ mà ít có ngân hàng nào sánh kịp.

Sự giàu có “kì lạ” của Ngân hàng Đông Dương đã thu hút sự chú ý của dư luận Pháp và nhân dân Đông Dương. Những tài liệu mà chúng tôi thu thập được đã chứng minh rằng nhờ có *đặc quyền phát hành giấy bạc*, Ngân hàng Đông Dương đã phát hành một lượng tiền khổng lồ đưa vào lưu thông kiếm lãi. Song song đó, Ngân hàng còn lợi dụng chức năng phát hành giấy bạc để chiếm trọn số kim khí dự trữ còn sót lại của nhân dân Đông Dương mang về cho Mẫu quốc. Với những việc làm “cao cả” đó, Ngân hàng Đông Dương đã làm giàu trên đống tro tàn và sự cùng cực của nhân dân bản xứ.

† Từ năm 1930 đến 1936: trữ lượng kim khí dự trữ bao gồm: một phần bằng vàng và các ngoại tệ khác có giá trị chuyển đổi ra vàng như: franc Pháp, đô-la Mỹ, bảng Anh, đô-la Hồng Kông...; một phần bằng bạc (ổn định ở mức 12 triệu \$ nằm trong kết sắt của Ngân hàng Đông Dương).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Albert Sabés (1931), *Đổi mới các đặc quyền của Ngân hàng Đông Dương-Le Renouveau du privilège de la banque de l'Indochine*, Nxb Marcel Giard, Paris.
2. Lê Đình Chân (1972), “Lược sử Tiền tệ nước nhà (Từ đời nhà Lý cho tới năm 1945)”, *Tạp chí Nghiên cứu Hành chính*, tập VI, (9-10).
3. Trần Dương, Phạm Thọ (1960), *Lưu thông tiền tệ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
4. Hà Minh Hồng, Dương Tô Quốc Thái (2013), “Ai đã tài trợ tài chính cho thực dân Pháp trong cuộc đánh chiếm Bắc Kỳ năm 1882-1883?”, *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, (254), tháng 2-2013.
5. Nguyễn Anh Huy (chủ biên) (2010), *Lịch sử Tiền tệ Việt Nam sơ truy và lược khảo*, Nxb Văn hóa Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh.
6. Jean Pierre Aumiphin (1994), *Sự hiện diện tài chính và kinh tế của Pháp ở Đông Dương (1859-1939)*, Đinh Xuân Lâm, Ngô Thị Chính, Hồ Song, Phạm Quang Trung dịch, Nxb Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hà Nội.
7. Nguyễn Thị Thùy Ngân (2013), *Tìm hiểu về Ngân hàng Đông Dương - Sự hiện diện của giới Tư bản Tài chính Pháp tại Đông Dương*, Khóa luận Cử nhân Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (1976), *Lịch sử Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 1951-1976 (sơ thảo), tập 1*, Tổ Nghiên cứu Lịch sử Ngân hàng biên soạn.
9. Dương Tô Quốc Thái (2012), *Sự hình thành và phát triển hệ thống ngân hàng tại Nam Kỳ (1875-1945)*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Dương Tô Quốc Thái (2013), “Về sự ra đời của Ngân hàng Đông Dương năm 1875”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, (442), tháng 2-2013.
11. Nguyễn Anh Tuấn (1968), *Chính sách tiền tệ Việt Nam (từ thời kì Pháp thuộc đến Đệ nhị Cộng hòa)*, Loại sách tìm hiểu Chánh trị, Sài Gòn.
12. Viện Nghiên cứu Kinh tế Tiền tệ, Tín dụng và Ngân hàng (1978), *Tư liệu lịch sử Tiền tệ Đông Dương và Ngân hàng Đông Dương từ cuối thế kỉ XIX đến giữa thế kỉ XX*, Nxb Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 02-7-2014; ngày phản biện đánh giá: 09-01-2015;
ngày chấp nhận đăng: 11-4-2015)